

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/08/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng
1		TD2	7:25	14	0		14	0
2		AMD+P5+P6	7:25	3+13+6	0+0+0		C+13+7	0+0+0
3		TD2	11:25	8	0		10	0

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2	CREW: Thanh - CÔNG	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PONOMARENKO A.N	TD2	22	1	7		113	KHOAN	Russian
2	ARUSHANOV S.V	TD2	23	1	15		105	KHOAN	Russian
3	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	39	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
5	VUONG DINH LIEN	TD2	43	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CHIÊN	TD2	40	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	41	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HUNG HUNG	TD2	20	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
9	DOROSHENKO M.K	TD2	21	1	6		94	KHOAN	Russian
10	CAO VĂN LỢI	TD2	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	42	1	5	90	74	KHOAN	Vietnamese
12	SADOVNICHENKO	TD2	44	1	13		105	KHOAN	Russian
13	TRẦN CÔNG HÀ	TD2	24-25	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THANH THAI	TD2	50	1	12		95	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	14	98	1.177	90	14		
TOTAL		14	14	98	1.177	90	14		
WEIGHT KG				98	1.177	90			

GRAND TOAL: 1.365 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: AMD-P	TO: AMD - P5 - P6	CREW: Hôi - MTuấn - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUỖNH CƯỜNG	AMD	32-33	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	31	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	HÀ QUANG HUY	AMD	34	1	7	20	68	CODIEN	Vietnamese
4	VANEV D.V	P5	44	1	17		98	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P5	33	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P5	43	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P5	41	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
8	VÕ VĂN HÙNG	P5	45	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẬU CAO KHANG	P5	42	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY LINH	P5	36	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
11	NG TRỌNG TUẤN-PVD	P5	35	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VĂN THANH	P5	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ HỒNG GIANG	P5	40	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
14	NG HOÀNG OANH-PVDT	P5	39	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LÊN	P5	34	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P5	38	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
17	THAN VĂN KIẾN	P6	36	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN HUY ANH	P6	37-38	2	18	40	92	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN LINH	P6	40	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG PHÚC	P6	41-42	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
21	HÀ ĐỨC TÙNG	P6	43	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HUY GIANG	P6	39	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	3	4	35	205	20	0		
2	P5	13	13	88	974	0	13		
3	P6	6	8	85	411	40	7		
TOTAL		22	25	208	1.590	60	20		
WEIGHT KG				208	1.590	60			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:00
FLIGHT: 2	TO: TD2	CREW: Dũng - ATUẤN	ETA: 14:00

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỮU HẬU	TD2	58	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD2	56-57	2	18		57	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SƠN	TD2	55	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
4	MAI THẾ HIỂN	TD2	53	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
5	BUI QUANG TUYNH	TD2	54	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
6	HÀ KIM LINH	TD2	52	1	5		45	GETRACO	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÍNH	TD2	51	1	5		51	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	8	59	444	0	10		
	TOTAL	7	8	59	444	0	10		
	WEIGHT KG			59	444	0			

GRAND TOAL: 503 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/08/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng
1		TD3+BK3+BK10	7:25	22+0+0	0+0+0		20+1+0	0+0+0
2		TD5+RP2+TD3	7:25	17+2+1	0+0+0		15+0+6	0+0+0
3		P10+P9+TD5	9:25	15+6+0	0+0+0		6+7+9	0+0+0

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD3 - BK3 - BK10	CREW: N.Thắng - Dương - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THO	TD3	83	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG MINH TOAN	TD3	78	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO TIẾN THIẾT	TD3	82	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
4	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	400	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	73	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT THỨC*PK-PVD	TD3	99	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	80	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	79	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN BÌNH MINH	TD3	90-91	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN QUYẾT	TD3	76	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU HÙNG	TD3	75	1	19		79	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DƯ	TD3	77	1	3		59	DVL	Vietnamese
15	TRẦN THAI AN	TD3	87	1	8		73	DVL	Vietnamese
16	ĐO THANH HẢI	TD3	84-86	3	26		66	DVL	Vietnamese
17	LÀ QUÝ DANH	TD3	89	1	5		63	DVL	Vietnamese
18	QUÁCH ĐẮC THÂN	TD3	74	1	4		70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUANG LỤC	TD3	81	1	7	90	85	PSV	Vietnamese
20	PHẠM QUỐC HÙNG	TD3	94-95	2	18		74	SCHLUMB	Vietnamese
21	LÊ ANH SƠN-DMC	TD3	92-93	2	14		68	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	24	167	1.488	90	20		CHUYỂN 1 PAX TỪ BK3 SANG BK10
2	BK3	0	0	0	0	0	1 + 1		
3	BK10	0	0	0	0	40	0		
	TOTAL	21	24	167	1.488	130	21		
	WEIGHT KG			167	1.488	130			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: TD5 - RP2 - TD3	CREW: Vận - VLin - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	72	1	5		85	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	65	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	76	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH DUY THÀNH	TD5	74	1	9	17	78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	75	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	77	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM MINH THẮNG-PVD	TD5	67-68	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	73	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	62-63	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ XUÂN ANH*PK-PVD	TD5	69	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÀO THANH SƠN	TD5	64	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĨNH DUY	TD5	70	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD5	71	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	66	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	61	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUYẾN	TD5	79	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	BUI LONG HUNG	TD5	78	1	6		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	85	1	10	40	95	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP2	86	1	5	34	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH QUANG TIẾN-DMC	TD3	36	1	10		65	DMC	Vietnamese
21	DANG VIET CUONG	TD3	38	1	10		65	DIEU HAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	19	110	1.193	17	16		
2	RP2	2	2	15	165	74	0		
3	TD3	2	2	20	130	0	6		
TOTAL		21	23	145	1.488	91	22		
WEIGHT KG				145	1.488	91			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P10 - P9 - TD5	CREW: N.Thắng - Dương - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SANH TRƯỜNG	P10	53-54	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
2	LY HỮU THĂNG	P10	55-56	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HÀM CHUNG	P10	50-51	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CHÍNH	P10	52	1	15	40	72	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN SƠN	P10	62-63	2	17		67	NAM TIEN	Vietnamese
6	VÕ HOÀNG QUÂN	P10	71-72	2	15		75	NAM TIEN	Vietnamese
7	HOÀNG MINH THUẬN	P10	66	1	5		64	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC TRƯỜNG	P10	58	1	6		55	NAM TIEN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TUẤN	P10	57	1	8		56	NAM TIEN	Vietnamese
10	VÕ THANH CHUNG	P10	59	1	5		60	NAM TIEN	Vietnamese
11	LÊ VĂN LANH	P10	60-61	2	12		54	NAM TIEN	Vietnamese
12	LÊ QUANG PHÚC	P10	65	1	8		53	NAM TIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỌ	P10	68	1	12		62	NAM TIEN	Vietnamese
14	VÕ VĂN HÒA	P10	64	1	10		58	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH THẢO	P10	67	1	5		46	NAM TIEN	Vietnamese
16	BUI XUÂN QUANG	P9	69	1	8		72	THANH PH	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUY	P9	70	1	9		60	THANH PH	Vietnamese
18	TÔNG VĂN CUÔNG	P9	67	1	12		58	THANH PH	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN CHÂU	P9	68	1	5		57	THANH PH	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC LINH	P9	65-66	2	19		78	THANH PH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	21	177	923	40	6		
2	P9	5	6	53	325	0	7		
3	TD5	0	0	0	0	70	8		
TOTAL		20	27	230	1.248	110	21		
WEIGHT KG				230	1.248	110			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN